

LUẬN A TỶ ĐÀM TỶ BÀ SA



Chương 1: KIẾN-ĐỘ TẬP

Phẩm 1: THẾ ĐỆ NHẤT PHÁP, Phần 3

Thế nào là pháp Đảnh? Thế nào là sự thối lui của pháp Đảnh? Thế nào là pháp Noãn? Cho đến nói rộng.

Hỏi: Trong đây nếu nói ngược về pháp phàm phu chứng được, tức nói pháp Thế đệ nhất xong, vì sao kẻ không nói về Nhẫn?

Đáp: Hoặc có người nói: Vì ý người soạn kinh kia muốn thế, cho đến nói rộng.

Lại có người nói: Nên nói: Thế nào là Nhẫn? Vì sao gọi là Nhẫn? Lệ thuộc ra sao? Cho đến nói rộng, nhưng không nói là có ý gì? Đáp: Đó là nghĩa giản lược vì là thuyết hữu dư.

Lại có người nói: Trước đã nói Nhẫn nhưng không làm sáng tỏ. Như trước đã nói: Nếu pháp tâm, tâm sở ở sau là hơn là trước, tức chẳng phải pháp Thế đệ nhất, vậy là pháp nào? Đáp: Là nhẫn tăng thượng. Đó là nói về nhẫn.

Lại có người nói: Nếu kinh Phật nói thì trong đây sẽ nói. Nếu kinh không nói thì trong đây không nói. Vì kinh Phật không nói về xứ nhẫn cho nên ở đây không nói.

Nói rằng: Như trong kinh tạng Nhất A-hàm có nói: Nếu không thành tựu sáu pháp thì không thể xa trần, lia cấu, đạt được pháp nhẫn thanh tịnh. Sáu pháp đó là:

1. Không thích nghe pháp.
2. Dù nghe pháp, nhưng không lắng tai nghe.
3. Không vì sự hiểu biết.
4. Với pháp chưa được, không dùng phương tiện để siêng năng tìm cầu.
5. Với pháp đã được, không khéo giữ gìn.

6. Không thành tựu thuận nhãn.

Nếu thành tựu sáu pháp thì xa lìa được trần cấu, đạt được pháp nhãn thanh tịnh, sáu pháp ấy là ưa thích nghe pháp, cho đến thành tựu thuận nhãn.

Hỏi: Kinh kia dù nói thuận nhãn, nhưng không nói là thuận để nhãn?

Đáp: Thuận nhãn, thuận để nhãn đâu có gì khác nhau. Nhân luận sinh luận, vì sao nhãn chỉ gọi là thuận để nhãn, còn Noãn, Đảnh thì không?

Hoặc có người nói: Như nói nhãn là nói thuận để, Noãn, Đảnh cũng nên nói, nhưng không nói thì phải biết đều là thuyết hữu dư (chưa trọn vẹn).

Lại có người nói: Thuận, là nói thuận theo. Nhãn kia khéo thuận theo. Còn Noãn, Đảnh thì không như thế.

Lại có người nói: Pháp Noãn có thể ngăn phần ngu tăng thượng khi duyên đế. Đảnh ngăn phần ngu trung. Nhãn ngăn phần ngu hạ. Vì ngăn phần ngu trong thân, nên sinh pháp Thế đệ nhất.

Lại có người nói: Pháp Noãn có thể sinh ra sự sáng suốt phẩm hạ của duyên đế. Đảnh sinh ra sự sáng suốt phẩm trung. Nhãn sinh khởi sự sáng suốt phẩm thượng. Vì trong thân này có sự sáng suốt của duyên đế nên có thể sinh ra pháp Thế đệ nhất.

Lại có người nói: Pháp Noãn ưa thích ấm. Pháp Đảnh ưa thích đối với vật báu. Pháp Nhãn ưa thích đối với đế. Vì quán Thánh đế được ưa thích trong thân nên có thể sinh ra pháp Thế đệ nhất.

Lại có người nói: Nhãn đối với tất cả thời gian, tương tự với thấy đạo. Như tất cả thời gian của thấy đạo, chỉ có pháp niệm xứ hiện ở trước mặt. Nhãn kia cũng thế. Noãn, Đảnh thì không như vậy. Vì sao? Vì trước tu pháp niệm xứ, sau ba niệm xứ tăng trưởng, xoay vần hiện ở trước, cho nên không tương tự. Nhãn tu tập pháp niệm xứ, chỉ tăng trưởng pháp niệm xứ, do giống với thấy đạo, nên gọi là thuận để nhãn. Noãn, Đảnh thì không như vậy, nên không gọi là thuận để.

Lại có người nói: Pháp Nhãn nghiêng một bên, gần với thấy đạo. Noãn, Đảnh thì không thế.

Lại có người nói: Pháp nhãn cũng thường nối tiếp, cũng một sát-na hiện ở trước. Noãn, Đảnh thì thường nối nhau hiện ở trước.

Lại có người nói: Pháp Nhãn chỉ một định ý. Noãn, Đảnh thì không như thế.

Lại có người nói: Chỉ, quán của pháp Nhãn không xen lẫn, Noãn,

Đảnh thì có xen lẫn, đôi khi còn khởi căn thiện cõi Dục.

Lại có người nói: Chỉ, quán của pháp Nhẫn không nhiều, không rộng, có thể thuận theo hướng đến Niết-bàn. Chỉ, quán của Noãn, Đảnh vừa nhiều, vừa rộng, cũng có thể thuận theo hướng Niết-bàn. Ở đây, nên nói về dụ chuyển mua dụ báu ma-ni.

Vì các nhân duyên như thế, v.v..., nên Nhẫn được gọi là thuận đế, còn Noãn, Đảnh không được gọi là thuận đế.

Noãn, Đảnh này và nhẫn hạ trung hành mười sáu hành, duyên theo bốn chân đế. Nhẫn tăng thượng hành bốn hành, duyên theo khổ đế.

Lại có người nói: Nhẫn tăng thượng duyên theo đạo đế.

Hỏi: Nhẫn duyên với pháp nào mà được chánh quyết định?

Đáp: Hoặc có người nói: Duyên với đạo đế.

Hỏi: Nếu vậy sao không duyên với hành vi sai trái? Nếu duyên với hành vi sai trái, thì sao không được chánh quyết định, tạo ra trở ngại?

Đáp: Dù cho duyên với hành vi sai trái, thì đối với chánh quyết định cũng không có trở ngại. Vì sao? Vì đối với căn thiện ấy tu tập duyên theo hành, trước có con đường tắt, do đó khi nhập vào Thánh đạo, đối với duyên hành này, có thể thọ dụng tự tại. Như trong thấy đạo, trước khởi lên đạo nhẫn trí cõi Dục, kế sinh đạo nhẫn trí của Hữu Đảnh. Đạo nhẫn trí của Hữu Đảnh đó, về sau lại sinh đạo nhẫn trí cõi Dục, quán khổ hành, về sau lại sinh quán tập hành, cho đến nói rộng. Cũng thế đều gọi là duyên với hành vi sai trái, sai lầm, không do duyên hành vi sai trái mà là thấy đạo, tạo ra trở ngại. Vì sao? Vì đối với thấy đạo, tu tập duyên hành, trước có con đường tắt, nhẫn cũng giống như thế, đối với việc đạt được chánh quyết định, không tạo ra trở ngại. Những người nói lời này, đều cho nhẫn tăng thượng duyên theo đạo đế, về sau được chánh quyết định. Nhẫn tăng thượng kia có ba tâm lẽ ra đồng một duyên, một hành, đó là pháp Thế đệ nhất. Hai tâm khổ pháp nhẫn, khổ pháp trí lẽ ra đồng một hành. Không đồng một duyên đó là hai tâm khổ tử nhẫn, khổ tử trí là đồng một duyên. Không đồng một hành là tập pháp nhẫn, tập pháp trí.

Lời bình: Nên nói rằng: Nhẫn tăng thượng nên duyên theo khổ đế, về sau được chánh quyết định. Thấy đạo kia là căn thiện mạnh mẽ, mặc dù duyên với hành vi sai trái, sai lầm, nhưng đối với chánh quyết định không có tạo ra trở ngại.

Nhẫn kia là căn thiện hữu lậu của thế tục, tánh nó rất yếu kém. Nếu duyên hành vi sai trái, sai lầm, sẽ tạo ra sự trở ngại cho thấy đạo.

Nghĩa như thật là nhẫn tăng thượng nên quán khổ, về sau sẽ được

chánh quyết định, chứ chẳng phải trước nhãn quán đạo nhãn, về sau được chánh quyết định. Nhãn tăng thượng hành khổ hành duyên khổ mà đạo phương tiện của nhãn vận hành rộng mười sáu hành, duyên với bốn chân đế, hành giả kia chánh quán khổ cõi Dục, quán khổ cõi Sắc, Vô sắc, hành tập cõi Dục, hành tập cõi Sắc, Vô sắc, hành diệt cõi Dục, hành diệt cõi Sắc, Vô sắc. Hành đạo dứt trừ cõi Dục, hành đạo dứt trừ cõi Sắc, Vô sắc.

Ba mươi hai tâm như thế gọi là hạ nhãn. Hành giả vào thời gian sau dần dần giảm bớt hành và duyên.

Lại nữa, chánh quán khổ cõi Dục, khổ cõi Sắc, Vô sắc, cho đến quán hành đạo dứt cõi Dục, trừ quán hành đạo dứt cõi Sắc, Vô sắc. Từ đó gọi là trung nhãn.

Lại nữa, chánh quán khổ cõi Dục, quán khổ cõi Sắc, Vô sắc, cho đến quán hành diệt cõi Sắc, Vô sắc, trừ giảm tất cả đạo.

Lại nữa, chánh quán khổ cõi Dục, khổ cõi Sắc, Vô sắc, cho đến quán hành diệt cõi Dục, trừ hành diệt cõi Sắc, Vô sắc.

Lại nữa, chánh quán khổ cõi Dục, cho đến quán hành tập cõi Sắc, Vô sắc, trừ tất cả diệt.

Lại nữa, chánh quán khổ cõi Dục, cho đến quán hành tập cõi Dục, trừ hành tập cõi Sắc, Vô sắc.

Lại nữa, chánh quán khổ cõi Dục, khổ cõi Sắc, Vô sắc, trừ tất cả tập.

Lại nữa, chánh quán khổ cõi Dục, trừ khổ cõi Sắc, Vô sắc.

Lại nữa, chánh quán khổ cõi Dục, thường nối tiếp nhau không dứt, không xa lìa.

Lúc quán như thế, rất sinh nhàm chán lỗi lầm.

Lại, sẽ giảm bớt, chỉ tạo hai tâm, quán ở một hành, như tợ khổ pháp nhãn, khổ pháp trí.

Chánh quán như thế, gọi là trung nhãn.

Người kia lại dùng một tâm quán khổ cõi Dục, đó gọi là thượng nhãn. Tiếp sau là sinh pháp Thế đệ nhất. Sau pháp Thế đệ nhất kế là sinh khổ pháp nhãn. Thí như có người muốn từ nước mình đi đến nước khác, có nhiều của báu và các vật dụng nghề nghiệp nuôi sống không thể mang theo, nên đem của cải vật dụng này đổi ra tiền đồng, cũng còn e là nhiều không thể đem đi, lại đổi tiền đồng ra vàng, cũng còn ngại là nhiều không thể mang theo, nên lại đem vàng đổi thành châu báu có giá trị, rồi đem số châu báu này đi theo để được an toàn đến nước khác kia.

Người tu hành cũng thế, cho đến bỏ dần, nối tiếp nhau không lìa, sinh ra thượng nhãn, sau nhãn, kế là sinh khởi pháp Thế đệ nhất. Sau pháp Thế đệ nhất, kế là sinh khởi khổ pháp nhãn.

Luận nói sau khi duyên khổ nhãn, được chánh quyết định, bốn tâm kia phải đồng một hành, một duyên, đó là pháp Thế đệ nhất của nhãn tăng thượng. Hai tâm khổ pháp nhãn, khổ pháp trí đồng một hành. Không đồng một duyên đó là hai tâm khổ tử nhãn, khổ tử trí đồng một duyên. Không đồng một hành đó là tập pháp nhãn, tập pháp trí. Cho nên, nói như vậy là tốt.

Hỏi: Pháp Thế đệ nhất có phẩm thượng, trung, hạ hay không?

Đáp: Không có! Vì không thể có trong tâm một người, trong tâm nhiều người mới có. Như Tôn giả Xá-lợi-phất là thượng, Mục-liên là trung, ngoài ra, các Thanh văn khác là hạ. Về phần tánh cũng có thượng, trung, hạ. Đức Phật là thượng, Duyên giác là trung, Thanh văn là hạ.

Sao gọi là Đảnh? Vì sao gọi là Đảnh?

Tôn giả Cù-sa nói: Có hai thứ căn thiện đạt phần:

1. Ở cõi Dục, là Noãn, Đảnh.
2. Ở cõi Sắc, là Nhãn và pháp Thế đệ nhất.

Trong cõi Dục phần hạ gọi là Noãn, phần thượng gọi là Đảnh.

Phần hạ trong cõi Sắc gọi là Nhãn, phần thượng gọi là pháp Thế đệ nhất.

Lời bình: Người kia không nên nói như thế. Do đây đều là pháp cõi Sắc, pháp tu này là pháp trụ địa định, có thể thực hành pháp Thánh hạnh. Nói như thế thì tốt.

Hỏi: Vì sao nói là pháp Đảnh?

Đáp: Căn thiện cõi Sắc, có động, có không động, có trụ, không trụ, có nạn, không nạn, có dứt bỏ, không dứt, có thối lui, không thối lui, những thứ động kia, những thứ không trụ, có nạn, có dứt bỏ, có thối lui có hai: Hạ là Noãn. Thượng là Đảnh.

Những thứ không động, trụ, không nạn, không dứt, không thối lui ấy có hai: Hạ là Nhãn, thượng là pháp Thế đệ nhất.

Lại có người nói: Nên nói hạ là Đảnh. Vì sao? Vì pháp Noãn ở dưới Đảnh.

Lại có người nói: Giống như đỉnh núi, nên gọi là Đảnh. Như đường đi tên đỉnh núi, con người không ở lâu, nếu không có các nạn, tất nhiên con người sẽ đi qua ngọn núi này để đến núi kia. Nếu gặp phải các tai nạn thì liền trở lại. Người tu hành cũng giống như thế, trụ Đảnh thì không lâu. Nếu không có các nạn, tất nhiên sẽ đến với Nhãn. Nếu có

các nạn thì sẽ lui trở lại Noãn. Vì giống như đỉnh núi, nên gọi là Đảnh.

Lại có người nói: Vì hơn pháp Noãn, nên gọi là Đảnh.

Thế nào là Đảnh? Là hoan hỷ đối với Phật, Pháp, tăng, sinh ra niềm tin nhỏ, cho đến nói rộng.

Hỏi: Vì sao nói đức tin này là thấp nhỏ?

Đáp: Như Tôn giả Cù-sa nói: Hai căn thiện đạt phần là Noãn, Đảnh này, vì là pháp cõi Dục, nên nói là nhỏ, thấp.

Lại có người nói: Vì dừng trụ không lâu, nên gọi là nhỏ, thấp.

Lại có người nói: Niềm tin này phải nói là niềm tin khác lạ. Vì sao? Vì khác với việc hành pháp Noãn của Thánh hạnh ở tu địa thuộc địa định cõi Sắc, nên gọi là khác lạ. Đối với Phật, tăng, sinh ra niềm tin nhỏ, thấp, là duyên với niềm tin đạo đế. Đối với Pháp, sinh ra niềm tin nhỏ, thấp là duyên với niềm tin diệt đế.

Hỏi: Như Đảnh, có thể duyên với bốn đế. Vì sao trong đây chỉ nói duyên với niềm tin hai đế, không nói duyên với niềm tin khổ, tập?

Đáp: Hoặc có người nói: Vì trong đây nói pháp hơn hết về danh nghĩa nên đối với bốn đế này, đế nào là hơn? Đó là diệt đế, đạo đế. Vì sao? Vì hai đế này thanh tịnh, không có lỗi.

Lại có người nói: Hai đế này là diệu, là ly.

Lại có người nói: Hai đế này có thể sinh ra chỗ tin.

Lại có người nói: Hai đế này có hai nghĩa:

1. Đáng tin.
2. Đáng cầu.

Lại có người nói: Vì chúng sinh được hóa độ nên tâm tin ưa, nếu Đức Thế tôn nói khổ, tập là đáng kính tin, thì không có người được hóa độ! Vì sao? Vì người được hóa độ sẽ nghĩ rằng: Đây là phiền não, hành vi ác, tà kiến, điên đảo, đâu đáng kính tin. Chúng ta thường bị khổ này bức bách. Nếu Đức Thế tôn giảng nói về diệt, đạo, thì đây mới là điều đáng kính, tin, người được hóa độ kia sẽ cảm thấy hân hoan, ưa thích. Cho nên, diệt, đạo rất thù thắng, đáng tin.

Lại có người nói: Diệt, đạo này có hai việc đáng kính, tin:

1. Ưu quán ở trước.
2. Không có tâm lừa bịp.

Lại có người nói: Tin Phật, tin tăng, là nói duyên với đức tin của đạo. Tin Pháp là nói duyên với niềm tin ba đế. Nếu như thế, thì nói đều duyên với đức tin bốn đế. Như nói: Ma-nạp-bà Ba-la-diên v.v... có thể sinh ra niềm tin thấp nhỏ, đối với Phật, Pháp, tăng. Đó gọi là pháp Đảnh.

Người soạn kinh (luận) kia, dẫn kinh làm chứng.

Hỏi: Như lúc trụ nơi Đảnh, cũng tin ấm, cũng tin Tam bảo, cũng tin đế. Vì sao Đức Thế tôn vì Ma-nạp-bà v.v... chỉ nói tin Tam bảo mà không nói tin ấm, đế?

Đáp: Hoặc có người nói: Ma-nạp-bà v.v... kia chẳng phải không tin khổ đế, tập đế, chỉ vì không tin Tam bảo. Do không tin Tam bảo, nên Phật đã vì họ mà giảng nói.

Lại có người nói: Ma-nạp-bà, v.v... kia bị khổ giày vò, muốn cầu được lìa khổ nên đến chỗ Phật, như kệ nói:

*Các chúng sinh bị khổ ép ngặt
Không biết lìa khổ, đến chỗ Phật
Xin chỉ dạy pháp yếu, trừ khổ
Giống như lúc nóng xuống ao mát.*

Nếu thật có thể lìa khổ thì chỉ có diệt, đạo. Người kia có hai nghĩa đáng tin:

1. Thường ưa thích quán.
2. Thường vui mừng, mong cầu.

Lại có người nói: Tin Phật là nói duyên với niềm tin hai đế. Tin tăng là nói duyên với niềm tin đạo đế. Tin Pháp là nói duyên với niềm tin diệt đế.

Lại có người nói: Tin Phật là nói duyên với đức tin bốn đế. Tin tăng là nói duyên với niềm tin đạo đế. Tin Pháp là nói duyên với đức tin ba đế.

Lại có người nói: Tam bảo là nơi sinh đức kính, tin, vì cho nên nói.

Lại có người nói: Tùy người tu hành, vì ý ưa thích nên nói. Nếu ở ấm, sinh ra ưa thích thì đó gọi là Noãn. Đối với Tam bảo sinh khởi ưa thích thì gọi là Đảnh. Sinh khởi ưa thích đối với đế thì gọi là Nhẫn.

Hỏi: Như thể tánh của Đảnh là năm ấm. Vì sao Đức Thế tôn đối với Ba-la-diên v.v... dùng đức tin để nói, đối với các Tỳ-kheo mới học dùng tuệ để nói?

Đáp: Hoặc có người nói: Chỉ Đức Phật, Thế tôn mới quyết định nói rõ pháp tướng, cũng biết rõ việc nào nên làm, người khác không có thể sánh bằng, nên vì chúng sinh giảng nói pháp nào thì liền nói pháp đó.

Lại có người nói: Do Ba-la-diên v.v... chưa trụ ở địa tạo tác, chưa nhập vào pháp Phật, chưa được Xá-ma-tha, chưa xoay vần được nghe các vị trời khác nói để sinh niềm tin, nên đến chỗ Phật. Bây giờ, Đức

Thế tôn nhân nơi căn thiện của ông ta, muốn cho được tăng trưởng, nên đã dùng đức tin để nói, các Tỳ-kheo mới tu học kia, trái với ở trên nên dùng tuệ để nói.

Lại có người nói: Đức Phật tùy theo sự thiếu thốn của người khác mà đem lại lợi ích cho họ, như Ba-la-diên v.v... vì thiếu thốn đức tin, Tỳ-kheo mang dòng họ Thích thì thiếu thốn về tuệ. Cho nên với Ba-la-diên v.v... nói về đức tin để làm lợi ích cho họ, đối với các Tỳ-kheo dòng họ Thích, Đức Phật nói về tuệ, nhằm đem lại lợi ích cho họ.

Lại có người nói: Vì để ngăn ý ngu si, dua nịnh, tà vạy, nên đối với Ba-la-diên v.v..., mặc dù rất thông minh, nhưng vì thiếu thốn về đức tin. Tuệ mà không có đức tin, có thể làm tăng trưởng tính dua nịnh tà vạy, nên Phật đã vì Ba-la-diên v.v... giảng nói về đức tin để ngăn sự dua nịnh tà vạy. Các Tỳ-kheo họ Thích mới xuất gia tu học, tuy đã có một chút niềm tin, nhưng thiếu về tuệ. Niềm tin không có tuệ, tất nhiên sẽ tăng trưởng tâm ngu. Cho nên, Phật đã vì các Tỳ-kheo mới học nói về tuệ để ngăn tâm ngu của họ.

Lại có người nói: Đức Thế tôn giảng nói pháp, người được hóa độ có hai hạng: Căn cơ nhạy bén và căn cơ chậm lụt. Vì người căn cơ nhạy bén nói về đức tin. Vì người căn cơ chậm lụt nói về tuệ. Vì Ba-la-diên, v.v... với căn cơ nhạy bén nên nói về đức tin. Vì các Tỳ-kheo mới học với căn cơ chậm lụt nên nói về tuệ.

Như căn cơ nhạy bén, căn cơ chậm lụt, sức của nhân bên trong, sức của duyên bên ngoài, sức phần bên trong, sức phần bên ngoài, nội chánh quán tư duy tăng ích, ngoại từ người khác nghe pháp, nội được tăng ích, không ngu, không tham, tu, không tu, tổn giảm nhóm xứ của thân kiến, không tổn giảm nhóm xứ của thân kiến, phải biết cũng giống như thế.

Thế nào là sự thối lui của pháp Đảnh, cho đến nói rộng?

Hỏi: Vì sao nói Đảnh có thối lui mà không nói Noãn có thối lui?

Đáp: Hoặc có người nói: Như nói Đảnh thối lui, lẽ ra cũng phải nói Noãn thối lui, nhưng không nói, phải biết đều là sự nói chưa trọn vẹn.

Lại có người nói: Hành giả khi ở nơi Đảnh có nhiều thứ trở ngại. Có ba thời gian, các nghiệp phiền não gây ra nhiều trở ngại. Như từ Đảnh đến Nhẫn, bấy giờ các nghiệp phiền não ở đường ác đã tạo ra nhiều trở ngại. Vì sao? Vì các phiền não kia nghĩ rằng: Nếu người tu hành ấy đã tiến đến Nhẫn thì ta sẽ sinh quả báo ở trong thân ai?

Khi lìa dục cõi Dục, các nghiệp phiền não cõi Dục kia, đa số tạo ra trở ngại. Vì sao? Vì các nghiệp phiền não nghĩ rằng: Nếu hành giả kia

đã ra khỏi cõi Dục, thì ta sẽ còn ở trong thân ai để sinh ra quả báo?

Lúc đã lìa dục của Phi tướng Phi phi tướng xứ, nhận lấy các nghiệp phiền não của Hữu (thân) vị lai, phần nhiều tạo ra trở ngại. Vì sao? Vì các nghiệp phiền não nghĩ rằng: Nếu người tu hành kia lìa dục rồi, người ấy lại không còn theo thân, thì ta ở trong thân ai để sinh ra quả báo?

Trong ba thời gian này, hành giả có nhiều trở ngại, cho nên nói Đảnh có thối lui mà không nói Noãn có thối lui.

Lại có người nói: Bấy giờ, hành giả cảm thấy rất lo âu, buồn phiền, giống như có người thấy kho châu báu, thấy rồi vui mừng nghĩ thế này: Nay ta vĩnh viễn dứt trừ gốc rễ của sự nghèo cùng.

Về sau, khi người kia có ý định nhặt lấy vật báu, bỗng nhiên kho báu biến mất. Lúc ấy, người này rất buồn sầu đối với kho báu ấy.

Cũng như thế, lúc hành giả trụ nơi pháp Đảnh, tự nghĩ không bao lâu mình sẽ chứng được Nhẫn, dứt hẳn đường ác, tâm rất vui mừng. Về sau, lại thối lui, tâm rất lo buồn!

Lại có người nói: Nếu nói Đảnh có thối lui, phải biết là cũng nói Noãn có thối lui.

Lại có người nói: Vì pháp Đảnh trụ không lâu, nên có thối lui.

Lại có người nói: Khi sắp được Nhẫn, đã được nhiều lợi lớn, cũng như bậc Thánh không rơi vào đường ác, lúc đạt được Nhẫn cũng giống như thế. Như Sa-môn trải qua hai mươi ức chín mươi một kiếp không rơi vào đường ác, trái với trên gọi là mất lợi lớn.

Hỏi: Thế nào là Đảnh thối lui?

Đáp: Giống như có người gần thiện tri thức, theo người ấy nghe pháp, cho đến nói rộng.

Hỏi: Vì sao soạn luận này?

Đáp: Trước kia, dù đã nói về thể tướng của Đảnh, nhưng chưa nói thế nào là được Đảnh, thế nào là mất Đảnh? nay muốn nói về điều đó nên soạn luận này.

Giống như có người gần thiện tri thức, là nói gần bạn lành. Theo bạn nghe pháp, nghĩa là nghe pháp thuận theo vào phương tiện.

Nội chánh quán tư duy, nghĩa là tự thân tu hành chánh hạnh, tin Bồ-đề của Phật, tin khéo nói pháp, tin công đức thanh tịnh của tăng, đó là nói tin Tam bảo. Nói sắc vô thường, cho đến nói thức vô thường, đó là nói tin ấm. Biết có khổ, tập, diệt, đạo, là nói tin đế.

Vào lúc khác, người kia không gần thiện tri thức mà gần bạn xấu, không từ người khác nghe pháp, nghĩa là không nghe pháp thuận theo

nơi phương tiện. Không chánh quán tư duy, nghĩa là tự thân hành tà hạnh, làm mất pháp tin này, đó gọi là Đảnh thối lui.

Hỏi: Thể tướng của Đảnh thối lui là gì?

Đáp: Là tánh không thành tựu, vô ký không ẩn mất, tâm bất tương ưng hành, thuộc về hành ấm.

Lại có người nói: Là thể tánh không tin. Vì sao? Vì có tin thì được, không tin thì mất.

Lại có người nói: Do sử nào ràng buộc mà thối lui pháp Đảnh? Tức là tánh buộc ràng của sử kia. Nói như thế cũng là tánh nhiễm ô.

Lại có người nói: Nếu pháp thuận theo pháp thối lui, tức là tánh của pháp thối lui đó. Nếu vậy thì tất cả các pháp đều là tánh thối lui. Vì sao? Vì tất cả các pháp đều duyên oai thế với.

Tôn giả Phật-đà-đề-bà nói: Tánh Vô sở hữu là tánh thối lui. Sinh khởi sự phân biệt mạnh mẽ, không có tương đối, căn thiện kia hợp tập gọi là Đảnh, căn thiện lìa tan gọi là thối, đâu có tánh gì? Cũng như có người, nhiều của cải vật dụng bị kẻ khác cướp đi hết, sau đó trở thành kẻ nghèo cùng. Có người hỏi: Nay ông nghèo là vì tánh gì? Ông ta đáp: Tôi vốn có của cải bị người khác cướp đi, nay chỉ là kẻ nghèo cùng, đâu có tánh gì!

Lại như có kẻ mặc áo rách, người khác hỏi: Nay ông mặc áo rách là có tánh gì? Người ấy đáp: Áo tôi trước đây vốn lành, nay bị rách chớ có tánh gì!

Lại như có người, thân vốn mặc y phục, vì bị người ta đoạt mất, có người hỏi: Nay ông khổ thân không có y phục, là tánh gì? Người ấy đáp: Trước tôi vẫn mặc y phục, vì bị người ta đoạt mất, nay tôi phải chịu lỗ lờ không có y phục, đâu có tánh gì!

Cũng thế, căn thiện của người tu hành, lúc hợp tập thì gọi là Đảnh, về sau, nếu lìa tán thì gọi là thối, đâu có tánh gì? Cho nên, tánh không thật có là tánh thối lui.

Lời bình: Không nên nói lời này, như ở trước nói là tốt: Đảnh thối lui là tánh không thành tựu, vô ký không ẩn mất, tâm bất tương ưng hành, thuộc về hành ấm.

Hỏi: Như nói tin Bồ-đề của Phật, đó gọi là tin Phật, cho đến nói rộng. Vì sao Đức Thế tôn hoặc nói tin Tam bảo, hoặc nói tin ấm, hoặc nói tin đế?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Phật đối với pháp rõ ràng, cho đến nói rộng.

Lại có người nói: Tùy chỗ ngu của chúng sinh, nghĩa là Đức Phật

tùy theo chỗ ngu tối của chúng sinh mà giải thích.

Lại có người nói: Người được Phật hóa độ có ba hạng:

1. Hạng người tâm thường nghi ngờ.
2. Đắm nhiễm ngã.
3. Bị kiến chấp che lấp.

Vì người nghi, nên nói về Tam bảo. Vì kẻ đắm nhiễm ngã, nên nói ấm, vì người bị kiến chấp che lấp, nên nói về đế.

Hỏi: Thế nào là pháp Noãn, cho đến nói rộng? Vì sao gọi là Noãn?

Đáp: Hoặc có người nói: Trí duyên với cảnh giới, có thể sinh ra Noãn, đốt cháy củi phiền não, giống như dùi lửa trên dưới nương nhau, lửa sinh ra đốt củi.

Lại có người nói: Vì có trí nhận biết có khả năng sinh ra trí Noãn, làm cho hữu bị khô héo. Giống như vào mùa hè, gôm hoa thành đồng, hoa sanh hơi ẩm lại tự làm héo hoa.

Lại có người nói: Trí sinh dựa vào ấm, lửa trí ở nơi ấm, lại thiêu đốt ấm. Cũng như ta dùng hai thanh tre, cọ sát vào nhau sinh ra lửa, lửa đó trở lại đốt cả rừng tre.

Tôn giả Cù-sa nói: Cầu lửa trí giải thoát, quan trọng nhất là ở ban đầu. Như lửa lấy khói ở ban đầu làm tướng. Lửa trí vô lậu cũng dùng pháp Noãn trước tiên làm tướng. Như tướng sự sáng suốt của mặt trời ở ban đầu làm tướng. Mặt trời trí vô lậu cũng dùng Noãn ở ban đầu làm tướng. Cho nên gọi là Noãn.

Thế nào là Noãn? Trong chánh pháp Tỳ-ni sinh niềm tin ái kính, cho đến nói rộng.

Hỏi: Nếu vậy sinh niềm tin ái kính trong chánh pháp Tỳ-ni đều được gọi là Noãn chăng?

Đáp: Không phải. Vì sao? Vì Noãn chính là pháp của địa định địa tu ở cõi Sắc, có thể thực hành, thuộc về Thánh hạnh, là người sinh niềm tin ái kính đối với chánh pháp Tỳ-ni.

Chánh pháp kia là nói duyên với niềm tin đạo đế. Tỳ-ni là nói duyên với niềm tin diệt đế.

Hỏi: Noãn có thể duyên với bốn đế. Vì sao chỉ nói duyên với niềm tin diệt đế, đạo đế?

Đáp: Hoặc có người nói: Vì diệt, đạo là hơn trong các Đế, đã trả lời rộng trong phần Đánh ở trước.

Lại có người nói: Diệt, đạo là nơi có thể quy y, vì cho nên nói.

Lại có người nói: Chánh pháp là nói duyên với niềm tin ba đế.

Tỳ-ni là nói duyên theo niềm tin diệt đế, thì cũng gọi là Noãn, có thể duyên theo bốn đế.

Người soạn kinh kia đã dẫn kinh làm chứng. Như nói: Phật bảo Tỳ-kheo Mã Sư, Mãn Túc: Ta có bốn cú pháp, sẽ vì các ông mà giảng nói. Vì muốn biết chẳng phải ý riêng của hai ông. Hai người thưa: Chúng con hiện nay thật sự chẳng phải pháp khí đâu cần biết làm gì, cho đến nói rộng.

Hỏi: Đức Phật đã biết rất rõ người kia không có khả năng thọ pháp, vì sao lại bảo: Nên tùy ý ông?

Đáp: Hoặc có người nói: Người, nghĩa là người kia không có người giáo hóa, là lý do tạo ra mọi điều xấu ác để tự hủy hoại. Vì thế, nên Đức Như lai đưa tay lên và nói: Những gì cần phải làm, nay ta đã làm xong, nhưng ông đã tự hành hạnh tà để tự hủy hoại, chẳng phải lỗi ta không giáo hóa.

Lại có người nói: Vì nhằm ngăn ngoại đạo chê bai, nên Đức Như lai mới bảo: nên tùy ý ông. Nếu Như lai không bảo Tỳ-kheo kia, thì các ngoại đạo sẽ chê bai: Vì sao là đấng Đại Bi, nhưng đối với chúng đệ tử, có người thuận theo thì nói pháp giáo hóa, còn không có người thuận theo thì không nói pháp giáo hóa? Nếu chính Như lai đã bảo Tỳ-kheo kia thì các ngoại đạo sẽ không sinh chê bai.

Lại có người nói: Vì nhằm ngăn các vị trong họ Thích có tâm không tin. Nếu chính Đức Như lai không bảo người kia, thì bấy giờ các vị trong họ Thích sẽ sinh tâm không tin: Vì sao Tất đạt không vì các thân tộc nói pháp, giáo hóa? Rồi ôm lòng ganh ghét, lo nghĩ người kia cùng giống với mình. Nếu Đức Như lai bảo người kia, thì các Thích tử, lúc ấy sẽ không sinh tâm không tin.

Lại có người nói: Người kia tự hành hạnh tà, Đức Như lai đã vì người kia, làm nhân chứng, bảo họ rằng: Ông xưa tại gia nay đã xuất gia tự hành hạnh tà, chẳng phải lỗi ở ta.

Bấy giờ, Đức Như lai liền dùng lời mềm mỏng, quả trách trước mặt hai người kia, cho nên mới bảo: nên tùy ý.

Lại có người nói: Vì muốn cho người kia sinh căn thiện ở vị lai, nên Phật đã biết rõ về họ, mà nay dù không thể nhận lấy sự giáo hóa, nhưng ở vị lai, sẽ sinh căn thiện hối tiếc. Vì sao? Vì người kia sẽ nghĩ: Đấng Đại bi đã thuận theo tự ý của ta, nhưng ta không thọ nhận, thì chẳng phải lỗi Như lai, tức có thể sinh ra căn thiện hối tiếc như thế.

Vì duyên này, nên chắc chắn sẽ ra khỏi đường ác.

Lại có người nói: Phật biết hai người kia, sau khi qua đời ở cõi

này, sẽ sinh trong loài rồng, thọ chịu đau khổ lớn nghĩ rằng: Ta vốn từ đâu sinh đến chốn này? Tự biết vốn là người xuất gia trong pháp Phật. Kế lại nghĩ: Đức Phật đã không giáo hóa ta, nay ta phải đến chỗ Phật, để gây ra những việc không lợi ích: Phá hoại tháp Phật và các Tinh xá, sát hại các Tỳ-kheo.

Ngay lúc đó, do thần lực Phật, nên có tượng Như lai lập tức hiện ra đứng sừng trước mặt người đó và bảo: Mã Sư, Mãn Túc! Ta có bốn cú pháp, các ông có muốn biết không? Khổ hiện giờ là lỗi của các ông, chẳng phải lỗi của ta. Những điều ta nên làm, đều đã làm xong. Hôm nay, ông tự làm những hạnh tà.

Vì muốn dứt trừ triền giận dữ của rồng kia, khiến pháp Phật được bảo vệ, cho nên Đức Như lai bèn bảo: nên tùy ý ông.

Hỏi: Sao gọi là bốn cú pháp?

Đáp: Hoặc có người nói: Là pháp bốn đế. Vì sao? Vì hai người kia do không thấy đế nên đã gây ra hành vi ác ấy.

Lại có người nói: Là bốn niệm xứ. Vì sao? Vì hai người kia do điên đảo nên đã gây ra hành vi ác ấy.

Lại có người nói: Là bốn chánh cần. Vì sao? Vì hai người kia do lười biếng nhiều nên đã tạo ra hành vi ác ấy.

Lại có người nói: Là bốn như ý túc. Vì sao? Vì hai người kia đã không thể chứa nhóm các việc thiện, nên đã gây ra hành vi ác này.

Lại có người nói: Là bốn Thánh chủng. Vì sao? Vì hai vị kia đắm lợi dưỡng, nên đã gây ra hành vi ác này.

Lại có người nói: Là bốn quả Sa-môn. Vì sao? Vì hai vị kia thật sự không được quả Sa-môn mà tự nói là: Ta đã chứng được bốn quả Sa-môn, nên đã gây ra hành vi ác này.

Lại có người nói: Là bốn thiện.

1. Khéo nhận biết về giới.
2. Khéo nhận biết về nhập.
3. Khéo nhận biết về duyên khởi.
4. Khéo nhận biết về xứ, phi xứ.

Vì sao? Vì hai người kia ngu tối về nhân quả, nên đã gây ra hành vi ác này.

Lại có người nói: Như trong kinh Tạp A-hàm có nói kệ:

Trong pháp Hiền Thánh, thiện là hơn

Hai thường nói ái, xa bất ái

Ba thường nói thật, lừa nói dối

Bốn thường nói pháp, xa phi pháp.

Đó gọi là bốn.

Lại có người nói: Như trong kinh tạng Nhất A-hàm nói: Không tham, không giận, chánh niệm, chánh định, đó gọi là bốn.

Người kia nói rằng: Nay tôi đâu cần biết pháp này làm gì, vì Đức Thế tôn đã bảo tôi: Ông là người ngu si, xa lìa pháp của ta, cho đến không có chút pháp Noãn.

Hỏi: Vì sao hai người kia lại nói rằng: Nay tôi đâu cần biết pháp này làm gì?

Đáp: Hoặc có người nói: Người kia tự biết mình chẳng phải pháp khí, hưởng tới đường lành cũng chẳng phải pháp khí, hưởng chi là hưởng về Niết-bàn, mà sẽ là pháp khí.

Lại có người nói: Các hành tà ác hiện có trong thân người kia thường phạm giới cấm, tự biết thân này chẳng phải pháp khí, ngói đá còn có thể nảy mầm, nhưng nay thân này của tôi, không bao giờ sinh phần pháp giải thoát.

Lại có người nói: Vì người kia đã gây ra nghiệp quyết định.

Lại có người nói: Vì người kia đã gần với pháp quả báo, nên tướng báo ở đường ác của người ấy đã hiện ở trước mặt, cho đến mười ngón tay đều phát ra nước.

Lại có người nói: Đức Phật thọ ký cho người ấy sẽ thành tựu Bồ-đề của Bích-chi Phật, người suy nghĩ rằng: Đâu dám phiền Như lai vì ta nói pháp. Ở đời hiện tại, ta chung quy không thể nhập được chánh quyết định. Do các nhân duyên ấy, nên người kia đã nói: Nay tôi đâu cần biết pháp này làm gì! Đức Thế tôn bảo: Xa lìa pháp của ta là người ngu si. Ở trong chánh pháp Tỳ-ni của ta, cho đến không có chút pháp Noãn.

Hỏi: Có nhiều thứ Tỳ-ni: Có thời Tỳ-ni, có phương Tỳ-ni, có chủng tánh Tỳ-ni, có gia pháp Tỳ-ni, có phạt tội Tỳ-ni, có phạm Tỳ-ni, có minh Tỳ-ni, có Thánh Tỳ-ni, có dục sân si Tỳ-ni. Vậy trong đây là nói Tỳ-ni nào?

Đáp: Hoặc có người nói: Trong đây nói là Thánh Tỳ-ni.

Lại có người nói: Trong đây là nói dục sân si Tỳ-ni.

Hỏi: Có phải tất cả những ai không được pháp Noãn, đều đồng với Mã Sư, Mãn Túc hay không?

Đáp: Không phải tất cả, vì chúng sinh gồm có ba hạng:

1. Có tâm trông mong.
2. Dứt tâm trông mong.
3. Cắt đứt tâm trông mong

Hạng người có tâm trông mong: Là người giữ giới thanh tịnh.

Hạng người dứt tâm trông mong: Là việc phải làm đã làm xong, là A-la-hán.

Hạng người cắt đứt tâm trông mong: Là kẻ phạm giới.

Do người kia không có tâm trông mong, không có dứt tâm trông mong, chỉ có cắt đứt tâm trông mong, cho nên Đức Thế tôn mới quở trách. Ngoài ra, hạng người nào trong chúng sinh mà cắt đứt tâm trông mong cũng đồng với hai người kia. Như nói: Cho đến không có chút pháp Noãn.

Hỏi: Căn thiện Noãn này là tối thắng, vi diệu, trụ ở địa vắng lặng. Nay vì sao lại nói một chút?

Đáp: Do ở trong căn thiện đạt phần là hết sức nhỏ nên nói là một chút.

Lại có người nói: Vì là căn thiện của nhóm kiến và vì sinh ở biên sau, nên nói chừng một chút. (Căn thiện của nhóm kiến nghĩa là an - ban, quán bất tịnh, bốn niệm xứ)

Bốn thứ căn thiện này, gọi là pháp Noãn, pháp Đảnh, pháp Nhẫn và pháp Thế đệ nhất, gọi là đạt phần, cũng gọi là quán đế, cũng gọi là tu trị, cũng gọi là căn thiện.

Nói đạt phần: Nghĩa là Thánh đạo vô lậu, là thấu đạt căn thiện, là thuận theo pháp kia, giúp cho pháp kia, là phần tánh của pháp kia, nên nói là đạt phần.

Quán đế: Nghĩa là dùng các hành như vô thường v.v... để quán sát đế, nên gọi là quán đế.

Tu trị: Vì mong cầu Thánh đạo và tu trị quả, nên thân này trừ bỏ mọi cấu uế, xấu ác, muốn thành pháp khí. Giống như nông phu, vì mong cầu được hạt lúa chắc, nên phải chăm lo tô điểm ruộng nương, nhổ bỏ cỏ dại. Người tu hành kia cũng giống như thế, nên gọi là tu trị.

Nói căn thiện: Nghĩa là Thánh đạo gọi là thiện, Niết-bàn gọi là quả. Các pháp này là gốc sơ cơ mới lập của người tu hành kia, nên gọi là căn thiện.

Hỏi: Căn thiện và Noãn v.v... này có gì khác nhau?

Đáp: Pháp Noãn có thể ngăn ngu tăng thượng của duyên đế, cho đến có thể ngăn ngu trong thân, nên sinh pháp Thế đệ nhất.

Lại có người nói: Pháp Noãn có thể sinh ra sự sáng suốt duyên đế, cho đến trong thân có sự sáng suốt duyên đế, nên sinh ra pháp Thế đệ nhất.

Lại nữa, pháp Noãn có thể sinh niềm tin bậc hạ duyên đế. Pháp Đảnh sinh niềm tin bậc trung. Pháp Nhẫn sinh niềm tin bậc thượng. Do

trong thân có các niềm tin này, nên có thể sinh ra pháp Thế đệ nhất.

Lại nữa, pháp Noãn ưa thích đối với ấm, cho đến ưa thích trong thân, nên sinh pháp Thế đệ nhất.

Lại có người nói: Noãn là chỗ ở nhập của niệm xứ. Đảnh là chỗ ở của pháp Noãn. Nhẫn là chỗ ở của pháp Đảnh. Pháp Thế đệ nhất là chỗ nhập của Nhẫn.

Cứ như vậy, theo thứ lớp không gián dứt cũng như thế.

Tôn giả Cù-sa nói: Cả hai căn thiện này là cõi Dục, đó là Noãn, Đảnh. Hai căn thiện thuộc cõi Sắc, đó là Nhẫn, pháp Thế đệ nhất.

Lời bình: Không nên nói như thế. Đây là địa tu, địa định cõi Sắc, có thể hành pháp thuộc về Thánh hạnh, nói như thế là tốt.

Hỏi: Pháp Noãn có bao nhiêu thứ? Cho đến pháp Thế đệ nhất có bao nhiêu thứ?

Đáp: Hoặc có người nói: Pháp Noãn có ba thứ: Hạ hạ, hạ trung, hạ thượng. Pháp Đảnh có ba thứ: Trung hạ, trung trung, trung thượng. Pháp Nhẫn có hai thứ là: Thượng hạ, thượng trung. Pháp Thế đệ nhất có một thứ là: Thượng thượng.

Bốn căn thiện này, dùng ba câu để nói: Noãn là hạ, Đảnh là trung, Nhẫn và pháp Thế đệ nhất là thượng.

Lại có người nói: Noãn có hai thứ: Hạ hạ, hạ trung. Đảnh có ba thứ là: Hạ thượng, trung hạ, trung trung. Pháp Nhẫn có ba thứ: Trung thượng, thượng hạ, thượng trung. Pháp Thế đệ nhất có một thứ: Thượng thượng.

Căn thiện này dùng ba câu để nói: Noãn là hạ, Đảnh là hạ trung, Nhẫn là trung thượng, pháp Thế đệ nhất là thượng.

Tôn giả Cù-sa nói: Noãn có ba thứ: Hạ hạ, hạ trung, hạ thượng. Đảnh có sáu thứ: Hạ hạ cho đến trung thượng. Nhẫn có tám thứ: Hạ hạ cho đến thượng trung. Pháp Thế đệ nhất có một thứ là: Thượng thượng.

Nếu dùng ba câu để nói, thì pháp Noãn có một thứ là hạ. Đảnh có hai thứ là hạ, trung. Nhẫn có ba thứ: Hạ, trung, thượng. Pháp Thế đệ nhất có một thứ là thượng.

Được pháp Noãn rồi cũng xả, xả có hai thứ: Lúc lìa giới địa và lúc thối lui. Xả lúc thối lui, nghĩa là gây ra nghiệp Vô gián, có thể dứt căn thiện, cũng đọa vào đường ác, đâu còn có lợi ích nào. Đã vì Niết-bàn tạo ra nhân quyết định, như cách câu cá nuốt mồi.

Được pháp Đảnh cũng xả, xả có hai thứ: Lúc lìa giới địa và lúc thối lui. Xả lúc thối lui, nghĩa là gây ra nghiệp Vô gián, cũng đọa vào

đường ác, lại đâu có lợi ích gì, lại không dứt căn thiện.

Nếu vậy thì Đề-bà-đạt-đa không được pháp Đảnh? Như kệ nói:

*Không đức, nhận cúng dường
Đó gọi là phàm, tiểu
Có thiện đều quên mất
Đó gọi là Đảnh thối.*

Kệ này phải hiểu thế nào?

Đáp: Kệ này nói về bị thối lui.

Lại có người nói: Đức Thế tôn như Đảnh. Người kia đã tâm ác đối với Phật, sẽ bị đọa vào đường ác, nên nói là Đảnh đọa.

Được Nhẫn cũng xả. Xả có một thứ là khi lìa giới địa xả căn thiện kia không có thối lui, không gây ra nghiệp Vô gián, không dứt căn thiện, lại có lợi ích nào. Không đọa vào đường ác.

Được pháp Thế đệ nhất cũng xả, xả có một thứ là tức lìa giới địa, xả không thối lui. Vì sao? Vì tánh của căn thiện này là không thối lui, không gây ra nghiệp Vô gián, không dứt căn thiện, không rơi vào đường ác, lại có lợi ích nào! Người kia theo thứ lớp được chánh quyết định.

Lại có người nói: Được pháp Noãn cũng xả. Xả có hai thứ: Khi lìa địa giới và lúc thối lui.

Xả khi thối lui nghĩa là gây ra nghiệp Vô gián, cũng sẽ đọa vào đường ác, lại có lợi ích nào, chỉ không dứt căn thiện.

Nếu vậy thì Đề-bà-đạt-đa không được pháp Noãn. Vì sao? Vì ông ta đã dứt căn thiện.

Được pháp Đảnh cũng xả. Xả có hai thứ: Khi lìa địa giới và lúc thối lui. Xả khi thối lui nghĩa là đọa nơi đường ác, lại có lợi ích nào! Không gây ra nghiệp Vô gián, không cắt đứt căn thiện.

Được Nhẫn cũng xả. Xả có một thứ là khi lìa giới địa, căn thiện kia không có thối lui, không gây ra nghiệp Vô gián, không cắt đứt căn thiện, không rơi vào đường ác, lại có lợi ích nào! Không đắm nhiễm vào ngã.

Hỏi: Nếu vậy thì Thi-lợi-quật-đa, An-cừu-lợi, Ma-la-tát-già, Ni-kiền-tử là không được Nhẫn. Vì sao? Vì mê đắm nơi ngã?

Đáp: Những người kia không đắm nhiễm nơi ngã. Vì biện luận về nghĩa nên nói có ngã đó thôi.

Hỏi: Những người ấy cùng Như lai tranh luận về ngã, sao lại nói không đắm nhiễm nơi ngã?

Đáp: Vì họ không dứt ngã kiến, tạm thời hiện ở trước, nên chẳng phải đắm nhiễm nơi ngã.

Pháp Thế đệ nhất được cũng xả: Xả khi lìa giới địa, ngoài ra như trước nói.

Người phương Tây tạo ra biện luận này, nói căn thiện Noãn có ý nghĩa sâu xa gì? Vì chỗ nương nào? Có nhân duyên gì? Pháp gì? Quả gì? Có nương vào đâu? Có báo nào? Có lợi ích nào? Vì hành bao nhiêu hành? Vì duyên theo danh mà sinh hay vì duyên theo nghĩa khởi? Vì là văn tuệ, là tư tuệ, hay là tu tuệ? Vì thuộc về cõi Dục, hay thuộc cõi Sắc, Vô sắc? Vì có giác, có quán; không giác, có quán; hay là không giác, không quán? Vì tương ứng với lạc căn, hay vì tương ứng với hỷ căn, xả căn? Vì một tâm hay vì nhiều tâm? Vì thối lui hay không thối? Cho đến pháp Thế đệ nhất cũng giống như thế.

Hỏi: Noãn có ý nghĩa thú?

Đáp: Có bố thí, trì giới, cho đến căn thiện Nhẫn thương, đều hồi hướng về giải thoát đó là ý thú là chỗ nương nào? Nghĩa là dựa vào định cõi Sắc mà khởi.

Có nhân duyên gì? Nghĩa là căn thiện đời trước ở địa mình, là nhân tương tự.

Duyên nơi pháp nào? Nghĩa là duyên với bốn chân đế.

Có quả nào? Đó là Đảnh gần với Noãn, là quả công dụng.

Có nương nào? Nghĩa là tương tự với địa mình, về sau sinh pháp thiện, là nương vào quả.

Có báo nào? Đó là năm ấm cõi Sắc.

Có lợi ích nào? Có người nói: Là nhân quyết định Niết-bàn.

Lại có người nói: Không cắt đứt căn thiện.

Vì hành bao nhiêu hành? Nghĩa là hành mười sáu hành.

Vì duyên theo danh sinh hay vì duyên theo nghĩa sinh? Phải nói là duyên theo nghĩa sinh.

Vì văn, tư, tu tuệ? Phải nói là tu tuệ.

Vì thuộc về cõi Dục, cõi Sắc, Vô sắc? Nên nói là thuộc về cõi Sắc.

Vì có giác, có quán; không giác, có quán; không giác, không quán? Nên nói là có cả ba hành.

Vì tương ứng với căn nào? Phải nói là ba, tùy chỗ tương ứng mà nói.

Vì một tâm hay nhiều tâm? Phải nói là nhiều tâm.

Vì thối lui hay không thối lui? Nên nói là thối lui. Nhẫn gần với Đảnh, đó là quả công dụng.

Đảnh có lợi ích nào? Có người nói: Không dứt căn thiện.

Hoặc có người nói: Không gây ra nghiệp Vô gián. Ngoài ra, như nói về Noãn.

Pháp Thế đệ nhất gần với Nhẫn là quả công dụng

Nhẫn có lợi ích nào? Có lợi ích là không rơi vào đường ác.

Lại có người nói: Không đắm nhiễm ngã, cũng không thối lui. Ngoài ra, như Đảnh.

Pháp Thế đệ nhất duyên khổ, khổ pháp nhẫn, đó là quả công dụng.

Pháp Thế đệ nhất có lợi ích nào? Theo thứ lớp được chánh quyết định, hành bốn hành, phải nói là nhất tâm không thối, ngoài ra, như khi Nhẫn sinh pháp Noãn, nếu khổ, tập, đạo đế, hiện tại một pháp niệm xứ, vị lai tu bốn niệm xứ. Hiện tại hành một hành, thì vị lai sẽ tu bốn hành, nhận lấy tánh đồng kia, chẳng phải tánh không đồng.

Nếu duyên vào diệt đế, với một pháp niệm xứ ở hiện tại, vị lai tu một pháp niệm xứ. Hiện tại một hành, vị lai bốn hành.

tăng trưởng pháp Noãn là khi dùng hạ tăng trưởng trung, dùng trung tăng trưởng thượng.

Nếu duyên theo khổ, tập, đạo đế, hiện tại bốn niệm xứ xoay vần hiện ở trước, vị lai cũng bốn, hiện tại một hành, vị lai mười sáu.

Nếu duyên diệt đế, thì pháp niệm xứ hiện tại, vị lai là bốn, hiện tại một hành, vị lai mười sáu.

Hỏi: Vì sao lúc đầu sinh pháp Noãn, đồng tánh với vị lai, tu chẳng phải bất đồng tánh. Lúc tăng trưởng Noãn, đồng tánh với vị lai, tu bất đồng tánh?

Đáp: Lúc đầu sinh, do hành quán đế, không hề được hạt giống Noãn kia mà được. Lúc Noãn tăng trưởng, do hành quán đế, đã từng được hạt giống Noãn kia mà được vì cho nên tu đủ.

Lúc đầu tiên sinh Đảnh, duyên với khổ, tập, diệt, đạo, hiện tại một pháp niệm xứ, vị lai bốn, hiện tại một hành, vị lai mười sáu. Lúc tăng trưởng Đảnh, hạ tăng trưởng trung, trung tăng trưởng thượng. Nếu duyên theo khổ, tập, đạo đế, bốn niệm xứ xoay vần hiện ở trước, vị lai bốn, hiện tại một hành, vị lai mười sáu.

Nếu duyên theo diệt đế, thì hiện tại một pháp niệm xứ, vị lai bốn, hiện tại một hành, vị lai mười sáu.

Đầu tiên sinh Nhẫn và lúc tăng trưởng, hiện tại một pháp niệm xứ, vị lai bốn, hiện tại một hành, vị lai mười sáu.

Tôn giả Cù-sa nói: Lúc Nhẫn đầu tiên, nếu duyên với khổ, tập, đạo đế, thì hiện tại một pháp niệm xứ, vị lai bốn, hiện tại một hành, vị

lai bốn, tu đồng tánh, không khác tánh. Nếu duyên diệt đế, hiện tại một pháp niệm xứ, vị lai cũng một pháp niệm xứ, hiện tại một hành, vị lai bốn, tu đồng tánh, không khác tánh. Nếu lúc tăng trưởng, duyên khổ, tập, đạo đế, bốn niệm xứ xoay vẫn hiện ở trước, vị lai bốn, hiện tại một hành, vị lai mười sáu. Nếu duyên theo diệt đế, thì hiện tại một pháp niệm xứ, vị lai bốn, hiện tại một hành, vị lai mười sáu.

Lời bình: Người kia không nên nói thế. Nói như thuyết trước là tốt.

Hỏi: Vì sao Nhẫn với tất cả thời gian, pháp niệm xứ đều hiện ở trước?

Đáp: Như đạo kiến đế, tất cả thời gian, pháp niệm xứ đều hiện ở trước. Nhẫn cũng tương tự.

Hỏi: Lúc tăng trưởng Nhẫn, đều tu mười sáu hành phải chăng?

Đáp: Không phải. Như bỏ dần sở duyên, hành cũng giống như thế. Nếu duyên bốn đế, có mười sáu hành. Nếu duyên ba đế thì có mười hai hành. Nếu duyên hai đế thì có tám hành. Nếu duyên một đế thì có bốn hành. Chung với thế lực sinh của một nhẫn thì có mười sáu.

Hỏi: Vì sao khi tăng trưởng Nhẫn, hoặc có mười sáu, hoặc mười hai, hoặc tám, hoặc bốn hành tu?

Đáp: Dứt dần sở duyên, bỏ dần việc thực hành, chuyển biến gần được chánh quyết định, vì đó, nên đôi khi tu mười sáu hành, cho đến bốn hành, lúc sinh pháp Thế đệ nhất, hiện tại, có một pháp niệm xứ, vị lai bốn, hiện tại một hành, vị lai bốn.

Hỏi: Như pháp Thế đệ nhất từng được chủng tánh kia là do hành quán đế. Vì sao tu đồng tánh hành, tu tánh khác?

Đáp: Vì tùy ở pháp người kia được, tức theo pháp này tu, như người lỏa hình, không có y phục để bị cướp đoạt, pháp kia cũng như thế.

Lại có người nói: Pháp Thế đệ nhất rất gần với thấy đạo. Như trong thấy đạo không tu hành khác, chỉ tu đồng tánh, nên pháp Thế đệ nhất cũng giống như thế?

Hỏi: Nếu lúc sinh Noãn cho đến Nhẫn, là thường nối tiếp nhau hay không nối tiếp nhau?

Đáp: Hoặc có người nói: Nói thường nối tiếp nhau duyên với bốn đế, như mười lăm tâm trong thấy đạo, thường tiếp nối nhau hiện ở trước. Lúc pháp Noãn kia sinh, thường nối tiếp nhau duyên với bốn chân đế.

Lại có người nói: Về nghĩa này không nhất định: Hoặc nối tiếp nhau, hoặc không nối tiếp nhau, hoặc có Noãn duyên với khổ rồi ngưng, hoặc duyên với tập, diệt, đạo rồi dừng lại.

Hỏi: Vì chánh quán tư duy, pháp nào kế có thể sinh Noãn?

Đáp: Là cõi Sắc tu tâm địa, địa định, có chán lìa, có xấu xa, có khát khao, ngưỡng mộ, có thể lực không thuận theo sinh, không ưa thích. Có lúc chánh tư duy như thế, kế có thể sinh Noãn, kế Noãn sinh Đảnh, kế Đảnh sinh Nhẫn, kế Nhẫn sinh pháp Thế đệ nhất kế pháp Thế đệ nhất được chánh quyết định.

Hỏi: Nếu người lìa dục thì có thể như thế, người không lìa dục thì sao?

Đáp: Người không lìa dục, cũng có thể như thế. Có tư tuệ cõi Dục, chánh quán tư duy duyên khổ hạnh, nếu hành thứ lớp sinh pháp Noãn. Ngoài ra, như trên đã nói.

Hỏi: Các thân trước đã sinh pháp Noãn, chưa sinh pháp Đảnh, người ấy bèn qua đời. Trong đời này, muốn sinh pháp Đảnh thì liền sinh pháp Đảnh, hay là lại khởi pháp Noãn?

Đáp: Hoặc có người nói: Nếu theo thầy, thuận với thứ lớp nghe pháp Đảnh, tức từ Đảnh đi, nếu thầy không giảng nói thì phải trở lại khởi từ căn bản.

Hỏi: Nếu vậy vì sao nói: Kế Noãn sinh Đảnh, kế Đảnh sinh Nhẫn, kế Nhẫn sinh pháp Thế đệ nhất?

Đáp: Nói như thế nghĩa là trong một thân thứ lớp sinh: Nếu trong thân trước đã từng được pháp Noãn, thì đó là người từ căn bản khởi.

Hỏi: Nếu thân trước kia đã từng được pháp Noãn, ở đời này muốn sinh pháp Đảnh, phải khởi chánh quán, tư duy nào?

Đáp: Như Noãn, chánh quán tư duy Đảnh cũng giống như thế, như sinh Đảnh, sinh Nhẫn cũng thế.

Hỏi: Nếu sinh pháp Noãn có phải vì lìa dục không?

Đáp: Hoặc có người nói: Không vì lìa dục. Vì sao? Vì người tu hành kia yêu thích, thà sinh pháp Đảnh, chớ không khởi Nhẫn trong Hữu Đảnh.

Lại có người nói: Nếu người tu hành kia, tự biết mình có năng lực, có thể sinh ra Đảnh, tức liền sinh Đảnh, tự biết không có năng lực, không thể sinh Đảnh mà muốn được lìa dục. Vì sao? Vì nếu được lìa dục, thì nơi sinh của ta sẽ trở nên vượt hơn.

Hỏi: Nếu dựa vào địa căn bản, sinh căn thiện đạt phần thì có thối lui hay không?

Đáp: Hoặc có người nói: Noãn, Đảnh có thối lui. Nhẫn thì không thối. Vì sao? Vì căn thiện này là pháp không thối lui.

Lời bình: Người kia không nên nói như thế. Vì sao? Vì nếu dựa

vào địa căn bản, sinh căn thiện đạt phần, thì ngay nơi hiện thân được chánh quyết định. Vì sao? Vì các căn thiện này đều sinh Thánh đạo. Nếu dựa vào địa Vị chí thì không nhất định.

Hỏi: Nếu dựa vào thiên Vị chí, sinh ra pháp Noãn, thì cũng sinh Đảnh, Nhẫn, pháp Thế đệ nhất, được chánh quyết định chăng?

Đáp: Hoặc có người nói: Nếu dựa vào thiên Vị chí, sinh pháp Noãn, cho đến sinh pháp Thế đệ nhất được chánh quyết định, Sơ thiên cho đến đệ Tứ thiên cũng giống như thế.

Lại có người nói: Nếu dựa vào thiên Vị chí, sinh pháp Noãn, kế sinh Sơ thiên, Noãn, Đảnh, Nhẫn, pháp Thế đệ nhất, được chánh quyết định, thì thiên trung gian, Nhị thiên, Tam thiên, Tứ thiên cũng giống như thế.

Lại có người nói: Nếu dựa vào thiên Vị chí, sinh ra Noãn, Đảnh, kế sinh Sơ thiên, Đảnh, Nhẫn, pháp Thế đệ nhất được chánh quyết định, thì thiên trung gian, Nhị thiên, Tam thiên, Tứ thiên cũng giống như thế.

Lại có người nói: Nếu dựa vào thiên Vị chí, sinh Noãn, Đảnh, Nhẫn, kế sinh Sơ thiên, nhẫn, sinh pháp Thế đệ nhất, được chánh quyết định, cho đến thiên thứ tư cũng giống như thế, đây là nói pháp thứ lớp của Thanh văn.

Hỏi: Bồ-tát thì thế nào?

Đáp: Bồ-tát dựa vào thiên thứ tư, sinh pháp Noãn, cho đến sinh pháp Thế đệ nhất, được chánh quyết định.

Lại có người nói: Bồ-tát dựa vào Sơ thiên, sinh pháp Noãn, pháp Đảnh, pháp Nhẫn, Nhị thiên, Tam thiên cũng giống như thế. Trong đệ Tứ thiên, sinh Noãn, Đảnh, Nhẫn, pháp Thế đệ nhất, được chánh quyết định.

Hỏi: Như trong căn thiện đạt phần, kế không nên sinh phẩm hạ, thượng, kế không nên sinh phẩm trung, hạ, làm sao Bồ-tát có thể sinh?

Đáp: Địa mình không thể, địa người khác thì có thể.

Lại có người nói: Muốn lia lỗi như thế, phải nói lời này: Nếu dựa vào Sơ thiên, sinh pháp Noãn, cho đến thiên thứ tư. Nếu dựa vào Sơ thiên sinh pháp Đảnh, cho đến thiên thứ tư. Nếu dựa vào Sơ thiên, sinh pháp Nhẫn, cho đến thiên thứ tư. Kế, sinh pháp Thế đệ nhất được chánh quyết định.

Lời bình: Không nên nói như thế, như nói trước là tốt. Vì sao? Vì tất cả Bồ-tát đều dựa vào thiên thứ tư, sinh pháp Noãn, cho đến sinh Pháp Thế Đệ nhất, được chánh quyết định.

Hỏi: Còn Bích-chi Phật thì thế nào?

Đáp: Bích-chi Phật ra đời một mình, phải biết như Phật. Nếu số người xuất thế nhiều, thì vị Bích-chi Phật này không nhất định, đồng với Thanh văn. Như loài thú Khát-già chỉ mọc một sừng. Vị Bích-chi Phật kia cũng giống như thế, một mình xuất thế, phải biết như Phật.

Hỏi: Tiền thân của Bồ-tát là đã từng sinh căn thiện đạt phần phải không?

Đáp: Hoặc có người nói: Từng sinh vì để ngăn đường ác, nên suốt chín mươi một kiếp, Bồ-tát không đọa vào đường ác, đó là sức của căn thiện đạt phần. Đó là căn thiện đạt phần, của tánh người khác, chẳng phải tánh mình.

Lời bình: Không nên nói như thế, nên nói rằng: Bồ-tát không hề sinh căn thiện đạt phần. Vì sao? Vì tất cả căn thiện mà Bồ-tát đã có được, không trải qua nhiều đời ngỗ kiết già dưới cội Bồ-đề, sinh quán bất tịnh, cho đến tận trí.

Hỏi: Bồ-tát đã chín mươi một kiếp, không đọa vào đường ác, việc này há chẳng phải sức của Nhẫn hay sao?

Đáp: Không hẳn là do căn thiện đạt phần Bồ-tát mới có thể ngăn đường ác, mà có thể dùng năng lực của bố thí, năng lực giữ giới, hoặc dùng quán bất tịnh, an ban (quán số tức), hoặc dùng văn tuệ, tư tuệ, hoặc dùng Noãn, Đảnh, sau mới dùng Nhẫn.

Tôn giả Phật-đà-đề-bà nói: Ngăn chặn đường ác, chẳng phải không nhờ biết pháp duyên khởi. Nghĩa ấy thế nào? Người kia nói rằng: Nhận biết pháp duyên khởi, tức là đạo vô lậu, nếu chẳng phải diệu lực của đạo vô lậu, tất nhiên không thể ngăn đường ác.

Lời bình: Không nên nói như thế! Như trước đã nói là tốt. Vì sao? Vì nếu Bồ-tát thực hành bố thí, thì cũng dùng giới, dùng tuệ. Nếu khi thực hành giữ giới, dĩ nhiên cũng dùng bố thí, dùng tuệ. Nếu lúc thực hành tuệ, thì cũng dùng thi, dùng giới. Do nhân duyên này, có thể che lấp na-do-tha đường ác, huống là đường ác của mười xứ. Tất cả Noãn, Đảnh của Thanh văn, Bích-chi Phật thì Bồ-tát đều có thể khởi để ngăn che đường ác, chỉ không khởi Nhẫn. Vì sao? Vì Nhẫn cùng với đường ác trở ngại nhau. Bồ-tát đã ở trong sinh tử, suốt ba A-tăng-kỳ kiếp, do nguyện lực nên sinh trong đường ác (Ở đây, nên nói dụ về nhân duyên con cá).

Lại có người nói: Khởi Nhẫn của Thanh văn, của Bích-chi Phật là để ngăn che đường ác, không khởi Nhẫn của Bồ-tát. Vì sao? Vì đối với thân đặc đạo là rất lớn, là sâu xa, nên người cầu Bích-chi Phật, sinh

Nhẫn của Bích-chi Phật, không thể sinh Nhẫn của Phật chúng. Vì gần với đạo của Bích-chi Phật.

Lại có người nói: Người cầu Bích-chi Phật, có thể khởi Nhẫn của Phật chúng.

Lời bình: Không nên nói như vậy, nên nói rằng: Người cầu Bích-chi Phật, không thể khởi Nhẫn của Phật chúng.

Hỏi: Phạm phu chứng đắc Nhẫn, lúc qua đời có phải xả nhẫn không? Nếu xả, thì sao không đọa vào đường ác? Nếu xả, thì vì sao phạm phu bỏ, bậc Thánh không bỏ? Nếu không xả, thì trong phần Kiên- độ Hành, Kiên-độ Bốn Đại vì sao không nói? Như nói: Nếu thành tựu thân, thì người kia cũng thành tựu thân nghiệp, cho đến nói rộng?

Đáp: Hoặc có người nói: Xả bỏ.

Hỏi: Nếu xả, thì tại sao không đọa vào đường ác?

Đáp: Hoặc có người nói: Với thế lực của căn thiện của người kia nên có thể như thế, dù xả nhưng không bị đọa vào đường ác. Tự có căn thiện, dù thành tựu nhưng không ngăn che đường ác, hướng chi không thành tựu. Đó gọi là chỗ sinh được thiện. Tự có căn thiện, dù không thành tựu, nhưng có thể ngăn che đường ác, hướng chi là lại thành tựu, đó là Nhẫn. Cho nên, với thế lực của căn thiện kia, có thể ngăn che đường ác.

Lại có người nói: Thế lực căn thiện của người kia, nếu nghiệp phiền não có thể khiến thân bị đọa vào đường ác, thì ở trong thân đó, nó làm cho hoàn toàn xa lìa, lại không còn hiện hành nữa. Nếu nghiệp phiền não kia không hiện hành thì do đâu bị đọa vào đường ác? Như vào mùa thu, người kia uống thuốc, thuốc cũng có thể không đọng lại trong thân họ, đôi khi cùng thoát ra với bệnh, hoặc tự nó tiêu hóa ngay trong thân mà trừ được bệnh hoạn, khiến cho không bao giờ khởi. thế lực căn thiện của kia như thế, với, có thể làm cho các nghiệp phiền não bị đọa vào đường ác, không bao giờ khởi lại nữa.

Lại có người nói: Căn thiện này đã từng ở trong thân người kia, như chỗ ở của sư tử, nó tồn tại trong thân người kia, dù không thành tựu, nhưng sức huân tập gắn bó, có thể làm cho các nghiệp phiền não đường ác kia sẽ không còn hiện hành nữa, hướng gì là đọa vào đường ác. Cũng như chỗ ở của sư tử, nếu sư tử đi vắng thì các loài thú nhỏ khác đều không dám tìm đến, hướng chi là lúc sư tử còn ở.

Lại có người nói: Căn thiện kia ở trong thân này, cũng như chủ đã ở lâu. Các nghiệp phiền não đường ác ở trong thân này cũng giống như khách. Sức của chủ đã ở lâu rất mạnh mẽ, khách thì không bằng.

Lại có người nói: Người tu hành có hai thứ tâm trông mong:

1. Tâm trông mong xa lìa các điều ác.
2. Tâm trông mong gắn bó sâu vào pháp thiện.

Do có hai tâm trông mong này, nên không đọa vào đường ác. Vì thế, nên Tôn giả Cù-sa nói: Người tu hành kia có tâm trông mong như thế, có mong muốn như thế, Nhẫn như thế, khả năng như thế, ý như thế, kính như thế, ái như thế, và ưa thích như thế.

Lại có người nói: Đường ác kia đã được phi số duyên diệt. Các pháp cũng đã được phi số duyên diệt, nên cuối cùng không hiện ở trước.

Lại có người nói: Người tu hành kia rơi vào mưa pháp, trôi chảy nhanh trong sông, không chấp nhận gây ra nghiệp đường ác. Vì cho nên không bị đọa vào đường ác.

Lại có người nói: Vì nương Thánh đạo, người tu hành kia do nương vào Thánh đạo, đã làm cho nghiệp phiền não đường ác trong thân này không hiện ra ở trước, hướng chi là bị đọa vào đường ác. Giống như có người, vì sợ kẻ thù nên dựa vào vua, khiến kẻ thù kia còn không dám nhìn thẳng vào mặt, hướng chi là làm hại!

Lại có người nói: Người tu hành kia, dùng căn thiện này ở trong tự thân nhằm gìn giữ chỗ ở của Thánh đạo. Cũng như người của vua, trước hết gìn giữ địa điểm cư trú của vua, tất cả người dân không dám đến ở.

Lại có người nói: Căn thiện kia đã quyết định tạo ra nơi chốn của người, trời. Nếu đã gây ra nghiệp xứ quyết định, thì sẽ sinh vào xứ đó. Giống như vị trí của tòa ngai cao sang đã được định, thì không nên ngai vào chỗ ngai khác. Cũng thế, chỗ ở của căn thiện kia đã nhất định cũng giống như thế.

Lại có người nói: Người tu hành kia đã dùng phương tiện chính đáng làm cho các nghiệp phiền não đường ác kia sẽ không còn hiện hành nữa, hướng chi là đọa vào đường ác.

Lại có người nói: Người tu hành kia đã nhận thấy lỗi lầm của hành vi ác, thấy được lợi ích của hành vi tốt. Cho nên, không tạo ra hành vi ác để phải bị đọa vào trong đường ác.

Lại có người nói: Có tâm trông mong tốt, ở trong thân này, sẽ không gây ra hành vi ác để phải bị đọa trong đường ác nữa.

Lại có thuyết nói: Vì dùng tâm nhu hòa thuận theo thú hướng Niết-bàn vì tín căn rất vững chắc, nên đã không gây ra hành vi ác để bị đọa vào đường ác.

Hỏi: Nếu xả, thì vì sao phạm phu bỏ, bậc Thánh không xả?

Đáp: Vì phàm phu kia không có sức đối trị của Thánh đạo để tự mình gìn giữ, chế ngự. Dù có đạo đối trị để tự gìn giữ, chế ngự, nhưng vì đạo này yếu kém, không bền lâu, nên khi qua đời thì xả. Trong thân bậc Thánh, có đạo đối trị vô lậu để tự gìn giữ, chế ngự, do sức của định vô lậu vững chắc bền lâu, nên bậc Thánh kia khi qua đời không xả. (Ở đây, lẽ ra nói kết hợp các biện dụ).

Lại có người nói: Không xả.

Hỏi: Nếu không xả, thì Kiên-độ Nghiệp, Kiên-độ Bốn Đại vì sao không nói?

Đáp: Hoặc có người nói: Trong Kiên-độ Nghiệp kia, lẽ ra phải nói mà không nói, phải biết là nghĩa này là lời chưa trọn vẹn.

Lại có người nói: Trong Kiên-độ Nghiệp kia cũng nói trong trường hợp thứ ba, là nói trường hợp bậc Thánh ở trong thai. bậc Thánh có hai hạng:

1. Bậc Thánh danh số.
2. Bậc Thánh thật nghĩa.

Người được căn thiện đạt phần gọi là bậc Thánh danh số, người được chánh quyết định là bậc Thánh thật nghĩa. Vì thế, nên trong Kiên-độ Nghiệp kia cũng có nói.

Nếu có người nhất tâm xuất gia, cũng được gọi là đệ tử của Thánh, hưởng chi là người được căn thiện đạt phần.

Lại có người nói: Hoặc có người xả, có người không xả. Ai không xả? Đối với căn thiện này thường dùng phương tiện, tạo ra phương tiện trong tất cả thời gian, tạo ra phương tiện nên người khéo thọ trì, khéo tu tập thì không xả, trái với trên là xả. Như trước đây đã nghe nói: Nếu đối với căn thiện thường ân cần dùng phương tiện, cho đến người nào khéo tu tập, cho dù trải qua sinh tử, nhưng thường không xả. Như Di-đa-la-đạt tử, lúc mới sinh đã nói rằng: Kiết có hai thứ, cho đến nói rộng.

Như trước đã nghe, nếu đối với căn thiện, người nào không ân cần dùng phương tiện, cho đến không khéo tu tập, thì ở trong thân này sẽ có thể xả nhanh. Cũng thế, nên biết là có xả, không xả.

Lời bình: Nghĩa như thật tức là: Người phàm phu dựa vào địa kia, sinh căn thiện đạt phần, cũng có người xả, hưởng chi là sinh vào địa khác.

Hỏi: Căn thiện đạt phần nói là được báo, đó là năm ấm cõi Sắc, có phải tạo ra nghiệp đầu tiên của thân kia không?

Đáp: Hoặc có người nói: Không tạo ra nghiệp đầu tiên. Vì sao? Vì thân cõi Sắc kia giống với đạo vô lậu, vì chán ghét sự thọ sinh nên

nghiệp khác tạo ra nghiệp đầu tiên. Căn thiện đạt phần kia chỉ tạo ra nghiệp mãn, sau đó mới chịu quả báo.

Lại có người nói: Cũng tạo ra nghiệp đầu tiên, được thân báo tốt đẹp, thuận theo hành đạo.

Các căn thiện như Noãn, v.v... này có bảy mươi ba thứ, việc ấy thế nào? Cõi Dục có mười thứ: Một là phàm phu còn đầy đủ ràng buộc. Hai là trừ một phẩm kiết, cho đến hết chín phẩm kiết. Sơ thiên có chín, hoặc có trừ một phẩm kiết, cho đến chín phẩm.

Sơ thiên không có người còn ràng buộc đầy đủ, tức nói về cõi Dục. Cũng thế, cho đến Vô sở hữu xứ có chín thứ. Đảnh, Nhẫn, pháp Thế đệ nhất cũng giống như thế.

Hỏi: Phàm phu còn ràng buộc đầy đủ, đã được pháp Noãn, trừ một phẩm kiết, cho đến chín phẩm, là một loại chăng?

Đáp: Không phải! Phàm phu còn ràng buộc đầy đủ khác, trừ một phẩm kiết khác, cho đến chín phẩm khác.

Hỏi: Nếu thối lui pháp Noãn, lại sinh pháp Noãn, có phải là vốn được mà được không?

Đáp: Không phải! Vì sao? Vì người kia không thường dụng công mà được, do trước sau không giống nhau. Như xả giới Ba-la-đề-mộc-xoa rồi, về sau thọ lại, thì chẳng phải vốn được mà được. Người kia cũng thế, như Noãn, Đảnh cũng thế.

Hỏi: Lúc Noãn tăng trưởng, tăng trưởng Noãn rồi, có khởi lại từ đầu hay không?

Đáp: Không! Vì sao? Vì đã được căn thiện thắng tiến, căn thiện đã được trước kia không đáng ưa chuộng. Đảnh, Nhẫn cũng giống như thế.

Hỏi: Ở chỗ nào sinh căn thiện này?

Đáp: Trong loài người ở cõi Dục, nghĩa là ba thiên hạ, chẳng phải châu Uất-Đơn-Việt.

Hỏi: Sáu tầng trời cõi Dục không thể sinh căn thiện chăng?

Đáp: Không thể. Vì người mới sinh đã từng sinh, đều có thể khởi hiện ở trước. Vì sao? Vì nếu có thân tốt đẹp, cũng có người thuận theo nhằm chán tai họa, chánh quán xứ kia, thì có thể sinh Noãn. Trong ba thiên hạ này có đủ hai thứ ấy.

Hỏi: Nếu có thân tốt đẹp, thì chư thiên vượt hơn con người. Nếu nhận lấy chánh quán, thuận theo nhằm chán tai họa, thì đường ác vượt hơn.

Đáp: Như trước đã nói đều cùng có, nghĩa là có thể cõi trời và

đường ác không đi chung cho nên không thể.

Hỏi: Pháp Noãn vừa dựa vào thân nam, vừa dựa vào thân nữ. Nếu dựa vào thân nữ đạt được pháp Noãn, lại được pháp Noãn, sở y của người nam trong tự thân chăng?

Đáp: Được! Cũng thế phải biết Đảnh, Nhẫn cũng vậy.

Hỏi: Nếu dựa vào thân nam đạt được pháp Noãn thì lại được pháp Noãn, sở y của cô gái trong tự thân chăng?

Đáp: Không được. Đảnh, Nhẫn cũng giống như thế. Huỳnh môn, Ban trá, không hình, hai hình, không thể sinh bốn pháp phương tiện thiện như Noãn v.v...

Tuệ có ba thứ: Văn tuệ, Tư tuệ, tu tuệ?

Đáp: Hoặc có Sư lược nói mười tám giới, mười hai nhập năm ấm. Lại có người khéo đọc tụng Tu-đa-la, Tỳ-ni, A-tỳ-đàm, rồi sinh tâm nhằm chán, nói rằng: Chỗ trọng yếu mà ba Tạng đã nói, chỉ là mười tám giới, mười hai nhập năm ấm. Họ liền quán sát giới. Quán sát giới rồi, lại tạo ra ba thứ, đó là: Danh, Thể tánh, Tướng chung. Danh là nhãn giới, cho đến pháp giới. Thể tánh là tướng riêng. Tướng chung là vô thường, khổ, không, vô ngã. Lúc quán như thế, tu tập trí này, chuyển biến được định ý, sinh tưởng chán ngán đối với cõi này.

Lại lược quán mười hai nhập: Nhãn giới tức là nhãn nhập, cho đến xúc giới tức là xúc nhập, bầy thức giới tức là ý nhập, pháp giới tức là pháp nhập.

Lại lược Nhập quán ấm. Sư kia quán mười sắc nhập và tạo sắc trong pháp nhập, tức là sắc ấm, ý nhập tức là thức ấm, pháp nhập tức là ba ấm.

Lại lược nói về ấm, tức là bốn niệm xứ. Sắc ấm tức là thân niệm xứ, thọ ấm tức là thọ niệm xứ. Thức ấm tức là tâm niệm xứ. Tưởng ấm, hành ấm tức là pháp niệm xứ.

Lại lược về Ấm quán đế: Các quả của năm ấm là khổ đế, các nhân của năm ấm là tập đế, năm ấm diệt là diệt đế, pháp Học, Vô học là đạo đế.

Đế kia lại được tạo ra ba thứ: Danh, thể tánh, tướng chung. Danh nghĩa là khổ đế cho đến đạo đế. Thể tánh nghĩa là tướng riêng. Tướng riêng nghĩa hành bậc bách là nghĩa khổ, cho đến nghĩa xuất ly, nghĩa hành là nghĩa đạo. Về tướng chung: Khổ có bốn hành: Vô thường, khổ, không, vô ngã. Tập có bốn hành: Nhân, tập, hữu, duyên. Diệt có bốn hành: Diệt, chỉ, diệu và ly. Đạo có bốn hành: Đạo, như, tích, thừa.

Người tu hành kia tu tập trí này, khi chuyển biến được định ý, như

lúc thấy đế ấy thì người kia cũng theo thứ lớp quán riêng, về khổ cõi Dục, tạo ra tướng riêng khác. Quán khổ cõi Sắc, Vô sắc, cho đến dứt riêng lẻ, hành đạo cõi Dục cũng riêng lẻ, cho đến hành đạo cõi Sắc, Vô sắc, ngay bấy giờ quán đế, giống như xem tấm thảm lông là vật bên ngoài. Lúc quán như thế, gọi là văn tuệ đầy đủ.

Tu tập xoay vần như vậy, kể là sinh tư tuệ, chuyển biến tinh tiến tu tập, kể là sinh tu tuệ, có thể thực hành Thánh hạnh.

Khi quán như thế được gọi là pháp Noãn. Lần lượt tăng trưởng như thế, kể là sinh Đảnh, kể Đảnh là sinh Nhẫn, kể Nhẫn là sinh pháp Thế đệ nhất. Kể là sinh khổ pháp nhẫn, dứt mười sử do thấy khổ dứt, thứ lớp sinh khổ pháp trí, theo thứ lớp như thế sinh đạo tử trí, được quả Tu-đà-hoàn, theo thứ lớp, cho đến tận trí, đó gọi là các pháp sinh căn thiện, sinh theo thứ lớp.

Căn thiện có ba thứ:

1. Căn thiện của phần phước.
2. Căn thiện của phần giải thoát.
3. Căn thiện của đạt phần.

Căn thiện của phần phước: Có thể tạo ra hạt giống sinh lên cõi trời. Nếu ở trong cõi người, sẽ được sinh vào nhà giàu sang, có oai thế lớn, nhiều cửa báu, quyến thuộc thành tựu, dung mạo đoan chánh, có thể tạo ra hạt giống của Chuyển luân Thánh vương, Đế-thích, Ma vương, Phạm vương.

Căn thiện của phần giải thoát: Nghĩa là có thể tạo ra hạt giống giải thoát, làm nhân quyết định không thối lui, sẽ tiến đến Niết-bàn.

Căn thiện đạt phần: Đó là pháp Noãn cho đến pháp Thế đệ nhất.

Hỏi: Căn thiện của phần giải thoát được gieo trồng ở chỗ nào?

Đáp: Ở trong cõi Dục, chẳng phải cõi Sắc, là đường người trong cõi Dục, chẳng phải đường khác, trong đường người thì ba thiên hạ, chẳng phải châu Uất-đơn-việt, thời Phật xuất thế, chẳng phải thời không có Phật.

Lại có người nói: Nếu ở vào thời không có Phật, gặp Bích-chi Phật, cũng gieo trồng căn thiện của phần giải thoát, thì thế tánh là gì?

Đáp: Hoặc là thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp.

Hỏi: Song ý nghiệp nghiêng nhiều, là năm thức thân hay là ý địa?

Đáp: Là ý địa, chẳng phải năm thức thân.

Hỏi: Là thiện phương tiện hay thiện sinh đắc?

Đáp: Vừa là thiện phương tiện, vừa là thiện sinh đắc.

Hỏi: Là văn tuệ, tư tuệ, hay tu tuệ?

Đáp: Là văn tuệ, tư tuệ, chẳng phải tu tuệ.

Hỏi: Lấy việc gì để gieo trồng căn thiện này?

Đáp: Lấy bố thí, hoặc trì giới, hoặc dùng sự học rộng, không nhất định. Vì sao? Vì có người chỉ bố thí một nắm thức ăn, đã có thể gieo trồng căn thiện của phần giải thoát. Còn nếu tự có năng lực tạo ra trường trai Ban-già Vu-Sắt (Hội thí lớn, năm năm một lần) mà vẫn không thể gieo trồng căn thiện của phần giải thoát. Hoặc chỉ giữ một ngày trai đã có thể gieo trồng căn thiện của phần giải thoát. Có tự có suốt đời giữ giới mà không thể gieo trồng căn thiện của phần giải thoát. Hoặc chỉ trì tụng một bài kệ đã có thể gieo trồng căn thiện của phần giải thoát. Có khi tự khéo hiểu văn nghĩa của ba tạng mà không thể gieo trồng căn thiện của phần giải thoát, cho nên, không nhất định. Vì sao? Vì có sự gieo trồng, hoặc không có sự gieo trồng, nếu đem việc này hồi hướng về giải thoát, Niết-bàn, thì người muốn thoát ly hẳn sinh tử, có tâm mạnh mẽ như thế, tức là có thể gieo trồng căn thiện. Nếu không hồi hướng về giải thoát, Niết-bàn, để lìa hẳn sinh tử, thì cho dù bố thí nhiều, hay trọn đời giữ giới, học rộng, nghe nhiều, nhưng vẫn không thể gieo trồng căn thiện của phần giải thoát. Có gần, có xa. Gần, nghĩa là gieo trồng căn thiện trong thân trước. Thân này thành thực, thân sau giải thoát. Xa, nghĩa là đã từng gieo trồng căn thiện của phần giải thoát, trải qua na-do-tha đời thọ thân mà không thể phát sinh căn thiện đạt phần. Căn thiện của phần giải thoát mà Thanh văn đạt được, có thể hồi hướng về Bích-chi Phật. Căn thiện của phần giải thoát mà Bích-chi Phật đạt được, cũng có thể hồi hướng đến Phật. Căn thiện của phần giải thoát mà Phật đã gieo trồng thì không thể hồi chuyển.

Hỏi: Quán có sinh diệt, người tu hành kia lấy gì làm phương tiện?

Đáp: Người tu hành kia, vào mùa xuân, thấy cỏ cây màu sắc xanh tươi, trong trẻo như ngọc lưu ly, ngắm nhìn dòng sông chảy xiết, bọt nước nổi trôi, tấp vào ven bờ. Nhìn cảnh tượng ấy mà tự nghĩ: Các pháp bên ngoài này nay lại sinh.

Nếu đi vào thành ấp, xóm làng, thấy các nam nữ ca múa, cười giỡn nô đùa, rồi hỏi chúng: Vì sao vui mừng như thế? Chúng đáp: Trong xóm này vừa sinh bé trai, bé gái. Người tu hành kia lại nghĩ: Như vậy là pháp bên trong này nay lại sinh!

Người tu hành kia, đến mùa thu sau, nhìn thấy các cây cỏ phơi mình dưới ánh mặt trời mùa thu, bị gió lạnh thổi, sương mù bao phủ, cành lá rơi rụng, nước sông khô cạn, lại nghĩ: Pháp bên ngoài này nay

đã lại diệt!

Nếu vào thành ấp, thôn xóm, thấy các nam, nữ đầu bù tóc rối, múa tay, quơ chân, khóc than, kể lể, bèn hỏi vì sao? Trả lời: Trong xóm này có nam, nữ vừa mất. Người tu hành kia lại nghĩ: Pháp bên trong nay lại diệt!

Người tu hành kia nhận thấy sâu xa về các trạng thái như thế rồi, trở lại trú xứ, tự quán sát thân mình cũng có trạng thái vô thường của tuổi trẻ, tráng niên già yếu, theo thứ lớp quán về năm, tháng, ngày, giờ, ngày đêm nối tiếp nhau, đó gọi là phương tiện. Các thời gian này lần lượt bị trừ giảm, cho đến quán ấm hai sát-na một sinh, một diệt, đó gọi là quán sinh diệt đầy đủ.

Hỏi: Quán sinh diệt này là quán tưởng giả hay là quán thật? Nếu là quán tưởng giả thì làm sao hiểu kệ này? Như nói:

Nếu có tri kiến dứt được lậu

Nếu không tri kiến, làm sao dứt?

Nếu người năng quán ấm sinh, diệt

Thì tâm sẽ giải thoát phiền não.

Chẳng phải dùng quán tưởng luống dối mà dứt được phiền não. Nếu chẳng thể quán thật, thì lẽ ra sẽ không thấy các hành có tướng đến, đi, mà các hành thật không có đến, đi.

Hoặc người soạn luận nói là quán tưởng luống dối.

Hỏi: Nếu vậy làm sao hiểu kệ này?

Đáp: Vì có nhân chuyển chuyển, nên nói chuyển chuyển kia sinh nhau, giống như pháp con cháu, việc ấy thế nào? Quán tưởng luống dối có thể sinh quán tưởng thật. Quán tưởng thật có công năng dứt phiền não, cho nên nói nhân chuyển chuyển, như pháp con cháu.

Lại có người nói: Là quán tưởng thật.

Hỏi: Nếu vậy thì các hành sẽ không có đến, đi. Nhưng người tu kia lại thấy có đến, đi?

Đáp: Nếu quán sinh diệt, khi chưa đầy đủ, thì sẽ thấy các hành có tướng đến, đi. Nếu quán kia đầy đủ, sẽ thấy các hành không có tướng đến, đi. Giống như trẻ con ưa vui đùa một mình bằng cách quay vòng tròn. Hễ quay nhanh thì thấy mình như dừng lại. Nếu quay chậm thì thấy có đến, đi. Thí dụ về bánh xe quay của thợ gốm cũng giống như thế.

Hỏi: Dùng một tâm thấy sinh diệt, hay là hai tâm, với một thấy sinh, một thấy diệt? Nếu dùng một tâm thấy sinh diệt, thì sao một tâm mà có đến hai sự lo toan? Nếu có hai sự lo toan để phá nghĩa một tâm thì làm sao thấy? Cho là thấy sinh? Lúc sinh lại thấy diệt? Cho là thấy

diệt thì lúc diệt lại thấy sinh chăng? Nếu thấy sinh lúc sinh, chỉ thấy người sinh thì đó là chánh. Nếu thấy sinh, lúc sinh lại thấy diệt thì đó là tà. Nếu khi thấy diệt, lúc diệt chỉ thấy người diệt thì đó là chánh. Nếu thấy diệt, lúc diệt lại thấy sinh thì đó là tà. Nếu phải một tâm thấy sinh, một tâm thấy diệt thì sẽ không có quán sinh diệt?

Đáp: Nên nói rằng: Một tâm thấy sinh, một tâm thấy diệt. Hỏi: Nếu vậy thì sẽ không có quán sinh diệt?

Đáp: Thuyết này giải thích quán sinh diệt, nối tiếp nhau trong một sự sinh, chẳng phải nói một sát-na.

